TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2024
Về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tùng

2. Ông Đỗ Viết Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Thị K. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Nguyễn M. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 16/01/20xx và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị K. T trình bày: Chị và anh T quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 4 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 02 năm 20xx. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chị, từ khi về sống chung chị nhận thấy vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vả vì vấn đề anh T thường hay đi chơi, không quan tâm đến chị, anh T thường hay nhậu nhẹt, ra ngoài đường hay gây gỗ, chửi thề với người bên ngoài, khi vợ chồng cãi nhau thì anh T đập phá đồ đạc trong nhà. Anh T đã bỏ về bên nhà anh ở từ tháng 12/20xx cho đến nay, mặc

dù anh T có liên lạc, hàn gắn tình cảm nhưng chị thấy không còn hợp nhau nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn M. T, sinh ngày 06/9/20xx. Cháu đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn M. T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn M. T, sinh ngày 06/9/20xx. Cháu đang sống chung với chị T, trong trường hợp phải ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con do thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị K. T, cho chị T được ly hôn với anh T. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn M. T, sinh ngày 06/9/20xx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định tiến

hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị T kết hôn năm 20xx trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của chị: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, chị nhận thấy vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vả vì vấn đề anh T thường hay đi chơi, không quan tâm đến chị, anh T thường hay nhậu nhẹt, ra ngoài đường hay gây gỗ, chửi thề với người bên ngoài, khi vợ chồng cãi nhau thì anh T đập phá đồ đạc trong nhà, anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/20xx cho đến nay. Về phía anh T, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không có giải pháp nào để hàn gắn hôn nhân này. Do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014..

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn M. T, sinh ngày 06/9/20xx, hiện cháu đang sống với chị T. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Tài sống cùng chị đã ổn định về mọi mặt; cháu Tài có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên cần giao cháu Tài cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu. Do đó, yêu cầu của chị T là có căn cứ để chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến. Nợ chung, các đương sự xác định không có.

[6] Về án phí: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị K. T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị K. T được ly hôn với anh Nguyễn M. T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Nguyễn M. T, sinh ngày 06/9/20xx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị T và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị K. T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001571 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sựhuyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.